BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2017/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2017*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về chuyển giao người bị kết án phạt tù, ký tại Hà Nội ngày 12 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực với Việt Nam kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2017.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Hải Triều

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga, sau đây gọi là "các Bên",

Mong muốn thúc đẩy phát triển hơn nữa hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án hình sự,

Mong muốn tạo điều kiện cho quá trình tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án phạt tù,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1
PHẠM VI CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên sẽ, phù hợp với các thuật ngữ và điều kiện quy định trong Hiệp định này, hỗ trợ tối đa cho nhau trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, người bị kết án phạt tù trên lãnh thổ của một Bên có thể được chuyển giao đến lãnh thổ của Bên kia để chấp hành hình phạt đã được tuyên. Để đạt được mục đích này, người bị kết án hoặc người đại diện hợp pháp của người đó có thể đề nghị về việc chuyển giao với Nước tuyên án hoặc Nước thi hành án phù hợp với các điều khoản trong Hiệp định này.

3. Yêu cầu chuyển giao có thể do Nước chuyển giao hoặc Nước thi hành án đề nghị.

ĐIỀU 2
ĐỊNH NGHĨA

Trong Hiệp định này, những từ ngữ dưới đây có nghĩa là:

- "Bản án" là quyết định cuối cùng của Tòa án áp dụng hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội. "Bản án" cũng bao gồm quyết định cuối cùng của Tòa án tuyên hình phạt tử hình nhưng sau đó đã được thay thế bằng tước tự do có thời hạn hoặc tù chung thân bởi một lệnh ân xá hoặc giảm án tại Nước tuyên án;

- "Hình phạt" là hình phạt tước tự do có thời hạn hoặc tù chung thân được tuyên trong bản án;

- "Người bị kết án" là người đang chấp hành hình phạt tước tự do theo bản án;

- "Nước tuyên án" là Nước mà tòa án đã kết án người có thể hoặc đã được chuyển giao;

- "Nước thi hành án" là Nước mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao để tiếp tục chấp hành hình phạt;

- "Cơ quan Trung ương" là cơ quan được các Bên ủy quyền để thực hiện Hiệp định;

- "Cơ quan có thẩm quyền" là cơ quan được ủy quyền của mỗi Bên để thực hiện yêu cầu;

- "Đại diện hợp pháp" là một người hoặc một tổ chức được ủy quyền theo quy định của pháp luật của một Bên hoạt động vì lợi ích hoặc đại diện cho người bị kết án tại các cơ quan tương ứng của Bên đó.

ĐIỀU 3

ĐIỀU KIỆN CHUYỂN GIAO

1. Người bị kết án có thể được chuyển giao theo Hiệp định này chỉ với các điều kiện sau:

a) Người bị kết án là công dân của nước thi hành án;

b) Bản án là cuối cùng và không còn bất kỳ thủ tục chưa giải quyết nào liên quan đến người bị kết án;

c) Vào thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, phần hình phạt còn phải chấp hành của người bị kết án không ít hơn một năm. Trong trường hợp ngoại lệ, các Bên có thể đồng ý về việc chuyển giao nếu thời hạn còn phải chấp hành án ít hơn thời gian đã xác định nêu trên;

d) Người bị kết án có văn bản đồng ý về việc chuyển giao để thi hành hình phạt trong lãnh thổ của Nước thi hành án, trong trường hợp người bị kết án không có khả năng bày tỏ nguyện vọng của mình vì lý do tuổi tác, tình trạng sức khỏe và tinh thần thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện hợp pháp của người đó. Nước tuyên án sẽ tạo điều kiện để nhân viên lãnh sự hoặc quan chức khác của Nước thi hành án xác minh về sự đồng ý hoặc phản đối của người bị kết án là tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hệ quả pháp lý của việc chuyển giao;

e) Các tội phạm đã bị tuyên hình phạt là tội cũng có thể bị phạt tước tự do theo quy định của pháp luật hình sự của Nước thi hành án;

f) Nước tuyên án và Nước thi hành án đã nhất trí về việc chuyển giao;

g) Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù không được xâm hại tới chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự xã hội hoặc các lợi ích đặc biệt của các Bên.

2. Việc chuyển giao bị từ chối, nếu:

a) Người bị kết án chưa thực hiện hết các nghĩa vụ tài chính trong bản án, hoặc theo quan điểm của Nước tuyên án, việc bảo đảm để thực hiện các nghĩa vụ đó là chưa đủ;

b) Hình phạt không thể thực hiện được tại Nước thi hành án do thời hạn hiệu lực đã kết thúc hoặc do các nguyên nhân khác quy định trong pháp luật quốc gia đó.

ĐIỀU 4

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Các Cơ quan Trung ương được ủy quyền thực hiện Hiệp định này là:

Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Đối với Liên bang Nga – Bộ Tư pháp Liên bang Nga.

2. Khi thực hiện Hiệp định này các cơ quan Trung ương sẽ liên hệ trực tiếp với nhau.

3. Các Bên thông báo ngay cho nhau qua kênh ngoại giao trong trường hợp thay đổi Cơ quan Trung ương của mình.

ĐIỀU 5

NGHĨA VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Người bị kết án mà Hiệp định này có thể được áp dụng sẽ được Nước tuyên án thông báo về nội dung của Hiệp định, cũng như hệ quả pháp lý của việc chuyển giao.

2. Trường hợp người bị kết án đề nghị với Nước tuyên án về việc chuyển giao, thì Nước đó sẽ thông báo ngay cho Nước thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp lý.

3. Trong thông báo cần nêu rõ:

a) Họ, tên, ngày tháng năm và nơi sinh, quốc tịch của người bị kết án;

b) Địa chỉ thường trú của người bị kết án tại Nước thi hành án, nếu có;

c) Văn bản về vụ việc mà theo đó hình phạt được áp dụng;

d) Loại hình phạt, thời hạn và ngày bắt đầu chấp hành án;

e) Toàn văn các quy định của luật hình sự được áp dụng.

4. Trong trường hợp người bị kết án đề nghị được chuyển giao với Nước thi hành án theo các điều khoản của Hiệp định này, Nước tuyên án căn cứ vào yêu cầu, cung cấp cho Nước thi hành án những thông tin quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Người bị kết án được thông báo bằng văn bản về tất cả các hoạt động do Nước thi hành án hoặc Nước tuyên án thực hiện theo các điều khoản trên đây, cũng như về tất cả các quyết định của một trong hai Nước liên quan đến yêu cầu chuyển giao.

ĐIỀU 6

YÊU CẦU VÀ TRẢ LỜI

1. Các yêu cầu và trả lời về chuyển giao được lập bằng văn bản và được chuyển trực tiếp tới các cơ quan Trung ương được chỉ định theo Hiệp định này.

2. Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Bên yêu cầu về quyết định của mình và việc đáp ứng hoặc từ chối yêu cầu chuyển giao.

3. Cơ quan Trung ương của Nước tuyên án khi nhận yêu cầu chuyển giao thì gửi cho Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án yêu cầu kèm theo các thông tin sau:

a) Thông tin về người bị kết án (họ tên, ngày và nơi sinh);

b) Các văn bản chứng minh quốc tịch và nơi thường trú của người bị kết án;

c) Bản sao có chứng thực của bản án và tất cả các quyết định của Tòa án có liên quan đến vụ việc, văn bản về việc phán quyết có hiệu lực pháp lý;

d) Văn bản về việc chấp hành hình phạt, về thời gian đã chấp hành hình phạt tù và về thời gian hình phạt tù còn tiếp tục phải chấp hành, cũng như văn bản đánh giá về thái độ của người bị kết án trong thời gian đã chấp hành hình phạt;

e) Văn bản về việc thi hành hình phạt bổ sung, nếu có;

f) Nội dung các điều khoản luật hình sự đã áp dụng để xét xử người bị kết án;

g) Văn bản đồng ý của người bị kết án về việc chuyển giao để chấp hành hình phạt trên lãnh thổ của Nước thi hành án, trong trường hợp người bị kết án không thể bày tỏ nguyện vọng của mình vì lý do tuổi tác, tình trạng sức khỏe và tâm thần thì phải có văn bản đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó;

h) Văn bản chỉ rõ các nghĩa vụ tài chính của người bị kết án theo bản án, nếu có;

i) Thông tin về tình trạng sức khỏe của người bị kết án và khả năng chuyển giao người đó đến lãnh thổ Nước thi hành án.

4. Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án khi nhận được yêu cầu chuyển giao thì gửi cho cơ quan Trung ương của Nước tuyên án yêu cầu kèm theo các văn bản nêu tại điểm "a" và "b" của khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan Trung ương của Nước tuyên án trả lời yêu cầu trên và gửi kèm các văn bản nêu tại các điểm từ "c" đến điểm "i" của khoản 3 Điều này.

6. Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án, trong trường hợp đồng ý với yêu cầu của Cơ quan Trung ương của Nước tuyên án thì gửi kèm trả lời của mình các thông tin sau:

a) Văn bản đồng ý tiếp nhận người bị kết án để tiếp tục chấp hành phần còn lại của hình phạt;

b) Bản sao có chứng thực quyết định của tòa án hoặc một cơ quan có thẩm quyền khác về việc công nhận và thi hành bản án trong đó nêu rõ trình tự, thời hạn và điều kiện chấp hành hình phạt của người bị kết án sau khi chuyển giao;

c) Trích lục bản án mà người bị kết án sẽ chấp hành hình phạt;

d) Văn bản chứng minh quốc tịch của người bị kết án.

7. Trong trường hợp cần thiết các cơ quan Trung ương của các Bên có thể yêu cầu cung cấp các văn bản hoặc thông tin bổ sung.

8. Khi tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Nước tuyên án có quyết định về việc đồng ý hoặc từ chối chuyển giao người bị kết án, Cơ quan Trung ương của Nước tuyên án sau khi nhận được tất cả các văn bản cần thiết trong thời gian sớm nhất sẽ thông báo cho Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án về việc đồng ý hoặc từ chối chuyển giao người bị kết án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này.

9. Địa điểm, thời gian và trình tự chuyển giao người bị kết án được các cơ quan có thẩm quyền của các Bên xác định trong thời gian sớm nhất có thể.

ĐIỀU 7

CHI PHÍ

Nước thi hành án chịu chi phí liên quan đến việc chuyển giao người bị kết án, bao gồm cả những chi phí trong việc quá cảnh, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Các chi phí khác phát sinh trước thời điểm chuyển giao liên quan đến việc chuyển giao người bị kết án sẽ do Bên thực hiện đảm nhận.

ĐIỀU 8

TIẾP TỤC THI HÀNH ÁN

1. Nước thi hành án bảo đảm việc tiếp tục thi hành hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật nước mình.

2. Hình phạt sẽ được thi hành trên cơ sở bản án của toà án Nước tuyên án. Tòa án của Nước thi hành án, căn cứ vào hình phạt và trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật nước mình, sẽ quyết định thời hạn chấp hành hình phạt tù đúng như được ấn định trong bản án.

Nếu theo luật pháp của Nước thi hành án, thời hạn tối đa của hình phạt đối với tội phạm đã thực hiện ít hơn thời hạn đã ấn định trong bản án, thì tòa án Nước thi hành án sẽ quyết định thời hạn tù tối đa theo quy định của pháp luật Nước thi hành án đối với tội phạm tương tự.

Phần hình phạt đã chấp hành trên lãnh thổ Nước tuyên án sẽ được tính vào thời hạn chấp hành án.

3. Quyết định về việc thi hành hình phạt bổ sung trong bản án sẽ được tòa án của Nước thi hành án thực hiện nếu hình phạt này cũng được pháp luật của Nước thi hành án quy định đối với tội phạm đã bị kết án. Hình phạt bổ sung được thi hành theo trình tự quy định tại Điều này.

ĐIỀU 9

VIỆC GIẢM ÁN, ÂN XÁ, THAY ĐỔI ÁN PHẠT HOẶC XEM XÉT LẠI BẢN ÁN

Mỗi Bên có thể giảm án, ân xá, đặc xá hoặc thay đổi án phạt phù hợp với pháp luật nước mình.

Chỉ Nước kết án mới có quyền giải quyết các các vấn đề kháng án hoặc xem xét lại bản án.

ĐIỀU 10

KHÔNG XÉT XỬ HAI LẦN VỀ MỘT HÀNH VI PHẠM TỘI

Sau khi bị chuyển giao, người bị kết án sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hoặc bị xét xử tại Nước thi hành án vì cùng hành vi phạm tội mà hình phạt đã được Nước tuyên án tuyên.

ĐIỀU 11

CHẤM DỨT THI HÀNH ÁN

Nước thi hành án sẽ chấm dứt thi hành bản án ngay sau khi nhận được thông báo từ Nước tuyên án về mọi quyết định hoặc biện pháp đã áp dụng mà theo đó hình phạt không phải thực thi nữa.

ĐIỀU 12

THAY ĐỔI VÀ HỦY BỎ BẢN ÁN

1. Nếu sau khi chuyển giao người bị kết án để thi hành án mà bản án được thay đổi bởi tòa án của Nước tuyên án, bản sao quyết định này và các tài liệu cần thiết khác phải được chuyển giao ngay đến Cơ quan Trung ương của Nước thi

hành án. Nước thi hành án sẽ quyết định việc thi hành quyết định này theo trình tự quy định tại Điều 8 Hiệp định này.

2. Nếu sau khi chuyển giao người bị kết án để thi hành án mà Nước tuyên án bác bỏ vụ án hình sự thì bản sao quyết định này được chuyển ngay đến Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án để thi hành.

3. Nếu sau khi chuyển giao người bị kết án để thi hành án mà bản án tại Nước tuyên án bị hủy bỏ và điều tra lại hoặc xem xét thủ tục tố tụng mới thì bản sao quyết định về việc này, các tài liệu vụ án hình sự và các văn bản cần thiết khác sẽ được chuyển ngay cho Nước thi hành án để quyết định vấn đề truy cứu trách nhiệm người bị kết án theo pháp luật Nước thi hành án.

ĐIỀU 13

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án sẽ thông báo cho Cơ quan Trung ương của Nước tuyên án về quyết định của tòa án đã được thông qua để tiếp tục thi hành án, thi hành quyết định về giảm án hoặc lệnh đặc xá, về thay đổi bản án, về trả tự do trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án đã chuyển giao, cũng như trong trường hợp người đó bỏ trốn.

2. Cơ quan Trung ương của Nước thi hành án, theo yêu cầu của cơ quan Trung ương của Nước tuyên án, sẽ cung cấp thông tin về quá trình chấp hành án của người bị kết án sau khi người này được chuyển giao.

ĐIỀU 14

QUÁ CẢNH

1. Mỗi Bên, trên cơ sở luật pháp nước mình, sẽ đáp ứng yêu cầu về việc quá cảnh người bị kết án trên lãnh thổ nước mình, nếu yêu cầu quá cảnh được Bên kia đưa ra sau khi đã thỏa thuận với quốc gia thứ ba về việc chuyển giao người bị kết án.

2. Một Bên có thể từ chối việc quá cảnh, nếu:

a) Người bị kết án là công dân của Bên đó;

b) Hành vi đã được ấn định hình phạt không cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên đó.

3. Yêu cầu quá cảnh phải có những thông tin nêu tại điểm "a" và "b" của khoản 3 Điều 6 Hiệp định này kèm theo các văn bản được quy định tại khoản 1 và các điểm "c" và "f" khoản 3 Điều 6 Hiệp định này.

4. Nước thi hành án được yêu cầu quá cảnh có thể giam giữ người bị kết án chỉ trong thời gian đúng bằng thời gian quá cảnh của Bên kia.

5. Không phải xin phép quá cảnh nếu sử dụng phương tiện vận chuyển hàng không và không hạ cánh trên lãnh thổ Bên kia. Tuy nhiên Bên này phải được thông báo về vận chuyển quá cảnh qua lãnh thổ của mình.

ĐIỀU 15
NGÔN NGỮ

Yêu cầu và văn bản, thông báo, thông tin kèm theo được soạn thảo bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu và kèm bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc sang tiếng Anh và được miễn hợp pháp hóa.

ĐIỀU 16
THỜI GIAN ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho việc thi hành những bản án được tuyên trước cũng như sau khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực.

ĐIỀU 17
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các vấn đề tranh chấp phát sinh giữa các Bên trong việc giải thích và áp dụng Hiệp định này được giải quyết bằng tham vấn và thương lượng giữa các Bên.

ĐIỀU 18
SỬA ĐỔI HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này có thể được sửa đổi với sự đồng ý của các Bên.

2. Những thay đổi đã được đồng ý bắt đầu có hiệu lực phù hợp với thủ tục nêu tại khoản 1 Điều 19 Hiệp định này.

ĐIỀU 19

ĐIỀU KHOẢN SAU CÙNG

1. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản của các Bên qua kênh ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ phù hợp với pháp luật của mỗi Bên.

2. Hiệp định này chấm dứt hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia qua kênh ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

3. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này không cản trở việc hoàn tất thi hành các yêu cầu chuyển giao đã nhận được trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Để làm bằng các đại diện dưới đây được ủy quyền đầy đủ bởi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga đã ký vào Hiệp định này

Làm tại Hà Nội ngày 12 tháng 11 năm 2013 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự bất đồng trong việc giải thích thì sử dụng bản tiếng Anh.

THAY MẶT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **LIÊN BANG NGA**
LÊ QUÝ VƯỜNG Thứ trưởng Bộ Công an	Maxim Alexandrovich TRAVNICOV Thứ trưởng Bộ Tư pháp

ДОГОВОР
МЕЖДУ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКОЙ ВЬЕТНАМ И РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИЕЙ О ПЕРЕДАЧЕ ЛИЦ, ОСУЖДЕННЫХ К ЛИШЕНИЮ СВОБОДЫ

Социалистическая Республика Вьетнам и Российская Федерация, далее именуемые Сторонами,

стремясь к дальнейшему международному сотрудничеству в сфере исполнения наказаний,

желая облегчить процесс социальной реабилитации осужденных лиц,

договорились о нижеследующем:

Статья 1

Сфера применения Договора

1. Стороны оказывают друг другу максимальное содействие в области передачи лиц, осужденных к лишению свободы, в соответствии с положениями настоящего Договора.

2. Лицо, осужденное к лишению свободы на территории одной из Сторон, в соответствии с положениями настоящего Договора может быть передано на территорию другой Стороны для продолжения отбывания наказания. В этих целях лицо, осужденное к лишению свободы, или его законный представитель могут ходатайствовать как перед государством вынесения приговора, так и перед государством исполнения приговора о передаче лица в соответствии с положениями настоящего Договора.

3. Запрос о передаче может быть направлен как государством вынесения приговора, так и государством исполнения приговора.

Статья 2

Определения

Для целей настоящего Договора используются следующие термины:

«приговор» окончательное решение суда о назначении наказания за совершение преступления. Термин «приговор» также включает окончательное решение суда о наказании в виде смертной казни, позднее замененное в государстве вынесения приговора на основании акта об амнистии или помиловании на лишение свободы на определенный срок или пожизненное заключение;

«наказание» – любое наказание по приговору, включающее в себя лишение свободы на определенный срок или пожизненное лишение свободы;

«осужденный» – лицо, отбывающее наказание в виде лишения свободы по приговору суда;

«государство вынесения приговора» – государство, судом которого было осуждено лицо, котөрое может быть передано или уже передано;

«государство исполнения приговора» – государство, которому осужденный может быть передан или уже передан для дальнейшего отбывания наказания;

«центральные органы» – органы, уполномоченные Сторонами на выполнение настоящего Договора;

«компетентные органы» – органы, уполномоченные каждой из Сторон на осуществление тех или иных действий, являющихся предметом запроса;

«законный представитель» – лицо или учреждение, которое в соответствии с законодательством Стороны уполномочено осуществлять действия в интересах осужденного или от его имени в соответствующих органах этой Стороны.

Статья 3

Условия передачи

1. Осужденный в соответствии с настоящим Договором может быть передан только при соблюдении следующих условий:

a) осужденный является гражданином государства исполнения приговора;

b) приговор является окончательным и в государстве вынесения приговора не осуществляются какие-либо процедуры в отношении данного осужденного;

c) часть наказания, которая подлежит дальнейшему отбыванию осужденным, на момент получения запроса о передаче составляет не менее

одного года. В исключительных случаях Стороны могут договориться о передаче, если оставшийся для отбывания срок наказания меньше установленного срока;

d) имеется письменное согласие осужденного на его передачу для отбывания наказания на территории государства исполнения приговора, а в случае неспособности осужденного изъявить свою волю из-за возраста, физического или психического состояния – письменное согласие его законного представителя. Государство вынесения приговора обеспечивает консульскому должностному лицу или другому официальному лицу государства исполнения приговора возможность убедиться в том, что согласие осужденного на передачу или отказ от нее были даны добровольно и с полным осознанием правовых последствий передачи;

e) преступления, за которые назначено наказание, – это преступления, по которым уголовное законодательство государства исполнения приговора также предусматривает наказание в виде лишения свободы;

f) государство вынесения приговора и государство исполнения приговора ясно выразили свое согласие на передачу;

g) передача осужденного не наносит ущерб суверенитету, безопасности, общественному порядку или иным существенным интересам одной из Сторон.

2. В передаче отказывается в случае, если:

a) осужденный не выполнил какие-либо финансовые обязательства, вытекающие из приговора, или не получены достаточные, по мнению государства вынесения приговора, гарантии выполнения таких обязательств;

b) наказание не может быть исполнено в государстве исполнения приговора вследствие истечения срока давности или по иным основаниям, предусмотренным законодательством этого государства.

Статья 4

Центральные органы

1. Центральными органами, уполномоченными выполнять настоящий Договор, являются:

со стороны Российской Федерации – Министерство юстиции Российской Федерации,

со стороны Социалистической Республики Вьетнам – Министерство общественной безопасности Социалистической Республики Вьетнам.

2. В процессе исполнения настоящего Договора центральные органы контактируют напрямую.

3. Стороны незамедлительно информируют друг друга по дипломатическим каналам в случае изменения своего центрального органа.

Статья 5

Обязательство по предоставлению информации

1. Осужденный, к которому может быть применен настоящий Договор, информируется государством вынесения приговора о содержании настоящего Договора, а также о правовых последствиях передачи.

2. В случае, если осужденный обратился к государству вынесения приговора с ходатайством о его передаче, данное государство уведомляет об этом государство исполнения приговора сразу после вступления приговора в силу.

3. В уведомлении указываются:

a) фамилия, имя (отчество), дата и место рождения, гражданство осужденного;

b) постоянное место жительства осужденного в государстве исполнения приговора, если оно известно;

c) краткое изложение фактов, повлекших назначение наказания;

d) вид наказания, срок и дата начала отбывания наказания;

e) полный текст соответствующих положений уголовного законодательства.

4. В случае если осужденный обратился к государству исполнения приговора с ходатайством о передаче в соответствии с положениями настоящего Договора государство вынесения приговора предоставляет государству исполнения приговора по его просьбе сведения, предусмотренные пунктом 3 настоящей статьи.

5. Осужденный информируется в письменной форме о любых действиях, предпринятых государством исполнения приговора или государством вынесения приговора, по применению вышеизложенных

пунктов, а также о любых решениях, принятых одной из Сторон в связи с запросом о передаче.

Статья 6

Запросы и ответы

1. Запросы о передаче и ответы на них составляются в письменной форме и направляются центральным органам, назначенным в соответствии с настоящим Договором.

2. Запрашиваемое Договаривающееся Государство в кратчайшие сроки информирует запрашивающее Договаривающееся Государство о своем решении удовлетворить или отклонить запрос о передаче.

3. Центральный орган государства вынесения приговора при поступлении ходатайства о передаче к запросу, адресованному центральному органу государства исполнения приговора, прилагает:

a) сведения об осужденном (фамилия, имя (отчество), дата и место рождения);

b) документы, свидетельствующие о гражданстве осужденного и его постоянном месте жительства;

c) удостоверенные копии приговора и всех имеющихся по делу судебных решений, документ о вступлении приговора в законную силу;

d) документ об исполнении приговора, о части наказания в виде лишения свободы, отбытой осужденным, и той части наказания, которая подлежит дальнейшему отбыванию, а также документ, характеризующий поведение осужденного в период отбывания наказания;

e) документ об исполнении дополнительного наказания, если оно было назначено;

f) текст статей уголовного закона, на основании которого лицо осуждено;

g) письменное согласие осужденного на его передачу для исполнения приговора на территории принимающего государства, а в случае его неспособности свободно изъявить свою волю из-за возраста, физического или психического состояния – письменное согласие его законного представителя;

h) документ о наличии или отсутствии финансовых обязательств осужденного, назначенных по приговору, если таковые имеются;

i) сведения о состоянии здоровья осужденного и возможности его транспортировки на территорию принимающего государства.

4. Центральный орган государства исполнения приговора при поступлении ходатайства о передаче к запросу, адресованному центральному органу государства вынесения приговора, прилагает документы, указанные в подпунктах «a» и «b» пункта 3 настоящей статьи.

5. Центральный орган государства вынесения приговора к своему ответу на данный запрос прилагает документы, указанные в подпунктах «c» – «i» пункта 3 настоящей статьи.

6. Центральный орган государства исполнения приговора в случае удовлетворения запроса центрального органа государства вынесения приговора к своему ответу прилагает:

a) письменное согласие на прием осужденного для отбытия оставшейся части наказания;

b) заверенную копию решения суда или другого компетентного органа о признании и исполнении приговора с установлением порядка, срока и условий отбывания наказания осужденным после его передачи;

c) заверенные выписки из положений законодательства, на основании которых осужденный будет отбывать наказание;

d) документ, подтверждающий гражданство осужденного.

7. В случае необходимости центральные органы Договаривающихся Государств могут запросить дополнительные документы или сведения.

8. При принятии судом или иным компетентным органом государства вынесения приговора решения о согласии/отказе в передаче осужденного лица центральный орган государства вынесения приговора в возможно короткий срок с момента получения всех необходимых документов уведомляет центральный орган государства исполнения приговора о согласии/отказе на передачу осужденного в соответствии с положениями настоящего Договора;

9. Место, время и порядок передачи осужденного определяются компетентными органами Сторон в возможно короткий срок.

Статья 7

Расходы

Расходы, связанные с передачей осужденного, включая расходы по транзитной перевозке, несет государство исполнения приговора, за исключением случаев, когда стороны договариваются об ином. Другие расходы, возникшие в связи с передачей осужденного до момента его передачи, несет Сторона, которая их осуществила.

Статья 8

Отбывание наказания

1. Государство исполнения приговора обеспечивает продолжение отбывания наказания осужденным в соответствии со своим законодательством.

2. Осужденный отбывает наказание на основании приговора суда государства вынесения приговора. Суд государства исполнения приговора, исходя из вида наказания и на основании национального законодательства, определяет такой же срок лишения свободы, как и назначенный по приговору.

Если по законодательству государства исполнения приговора за совершенное преступление максимальный срок лишения свободы меньше назначенного по приговору, суд государства исполнения приговора определяет максимальный срок лишения свободы, предусмотренный законодательством государства исполнения приговора за совершение такого же преступления.

Срок наказания, отбытый осужденным на территории государства вынесения приговора, засчитывается в срок отбывания наказания.

3. Решение о дополнительном наказании, назначенном по приговору, принимается судом государства исполнения приговора, если такое наказание за совершенное деяние предусмотрено законодательством этого государства. Дополнительное наказание исполняется в порядке, предусмотренном настоящей статьей.

Статья 9

Помилование, амнистия, условно-досрочное освобождение, замена наказания и пересмотр приговора

Каждая из Сторон может осуществить помилование, амнистию, условно-досрочное освобождение или замену наказания в соответствии со своим законодательством.

Только государство вынесения приговора вправе принимать решения по вопросам обжалования или пересмотра приговора.

Статья 10

Non bis in idem

После передачи осужденный не может быть привлечен к ответственности или осужден в государстве исполнения приговора за те же деяния, которые повлекли назначение наказания в государстве вынесения приговора.

Статья 11

Прекращение исполнения наказания

Государство исполнения приговора прекращает исполнение приговора сразу же после получения от государства вынесения приговора любого решения или принятой меры, в результате которых наказание более не подлежит исполнению.

Статья 12

Изменение и отмена приговора

1. Если после передачи осужденного для отбывания наказания приговор изменен судом государства вынесения приговора, копия соответствующего решения и другие необходимые документы незамедлительно направляются центральному органу государства исполнения приговора. Государство исполнения приговора решает вопрос об исполнении такого решения в порядке, предусмотренном статьей 8 настоящего Договора.

2. Если после передачи осужденного для отбывания наказания приговор отменен с прекращением уголовного дела в государстве вынесения

приговора, копия соответствующего решения незамедлительно направляется для исполнения центральному органу государства исполнения приговора.

3. Если после передачи осужденного для отбывания наказания приговор в государстве вынесения приговора отменен и предусмотрено новое расследование или судебное разбирательство, копия соответствующего решения, материалы уголовного дела и другие необходимые материалы незамедлительно направляются в государство исполнения приговора для решения вопроса о привлечении осужденного к ответственности по законодательству государства исполнения приговора.

Статья 13

Обмен информацией

1. Центральный орган государства исполнения приговора уведомляет центральный орган государства вынесения приговора о решении суда, принятом в целях исполнения наказания, о применении к переданному осужденному акта помилования или акта об амнистии, об условно-досрочном освобождении осужденного, о замене наказания, а также в случае его побега.

2. Центральный орган государства исполнения приговора по запросу центрального органа государства вынесения приговора информирует о ходе отбывания осужденным наказания после его передачи.

Статья 14

Транзит

1. Каждая Сторона в соответствии со своим законодательством удовлетворяет запрос о транзитной перевозке осужденного лица по своей территории, если с таким запросом обращается другая Сторона, которая достигла договоренности с третьим государством о передаче этого лица.

2. Сторона может отказать в транзитной перевозке, если:

a) осужденное лицо является ее гражданином;

b) преступление, за совершение которого назначено наказание, не является таковым в соответствии с ее законодательством.

3. В запросе о транзитной перевозке содержатся сведения, предусмотренные подпунктами «a» и «b» пункта 3 статьи 6 настоящего Договора с приложением документов, предусмотренных пунктом 1 и подпунктами «c» и «f» пункта 3 статьи 6 настоящего Договора.

4. Сторона, получившая запрос о транзитной перевозке, может содержать осужденного под стражей лишь столько времени, сколько требуется для транзитной перевозки по ее территории.

5. Такого разрешения не требуется, если используется воздушный способ перевозки и посадка на территории другой Стороны не предусматривается. Однако эта Сторона должна быть уведомлена о любых таких перевозках над ее территорией.

Статья 15

Языки

Запрос и связанные с ним документы, уведомления и информация, направляемые Сторонами в рамках настоящего Договора, составляются на языке запрашивающей Стороны и сопровождаются переводом на язык запрашиваемой Стороны или на английский язык и освобождаются от необходимости их легализации.

Статья 16

Действие во времени

Настоящий Договор применяется для исполнения приговоров, вынесенных как до, так и после его вступления в силу.

Статья 17

Разрешение споров

Спорные вопросы, возникающие у Сторон при толковании и применении настоящего Договора, разрешаются путем консультаций и переговоров.

Статья 18

Внесение изменений в Договор

1. Изменения в настоящий Договор могут быть внесены по взаимному согласию Сторон.

2. Принятые изменения вступают в силу в соответствии с порядком, указанным в пункте 1 статьи 19 настоящего Договора.

Статья 19

Заключительные положения

1. Настоящий Договор заключается на неопределенный срок и вступает в силу по истечении 30 дней с даты получения по дипломатическим каналам последнего письменного уведомления Сторон о выполнении внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу в соответствии с законодательством Сторон.

2. Настоящий Договор прекращает свое действие по истечении 180 дней с даты получения по дипломатическим каналам одной Стороной письменного уведомления другой Стороны о ее намерении прекратить его действие.

3. Прекращение действия настоящего Договора не препятствует завершению исполнения запросов о передаче, полученных до даты прекращения его действия.

В удостоверение изложенного уполномоченные представители Российской Федерации и Социалистической Республики Вьетнам подписывают настоящий Договор

Совершено в г. _____ «__» _____ 2013 года в двух экземплярах, каждый на русском, вьетнамском и английском языках, причем все тексты имеют одинаковую силу. В случае расхождения в толковании используется текст на английском языке.

ЗА СОЦИАЛИСТИЧЕСКУЮ РЕСПУБЛИКУ ВЬЕТНАМ

ЛЕ КУИ ВЬЮНГ
Заместитель Министра общественной безопасности

ЗА РОССИЙСКУЮ ФЕДЕРАЦИЮ

Максим Александрович ТРАВНИКОВ
Заместитель Министра юстиции

TREATY
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE RUSSIAN FEDERATION ON
TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM and THE RUSSIAN FEDERATION, hereinafter referred to as the "Parties",

WISHING to further the development of international cooperation in the field of administering of sentences,

ASPIRING to facilitate the process of social rehabilitation of sentenced persons,

HEREBY agree as follows:

Article 1
Scope of the Treaty

1. The Parties shall, in accordance with the terms and conditions of this Treaty, provide each other with the widest measure of assistance in matters related to transfer of sentenced persons.

2. A person sentenced in the territory of one Party may be transferred to the territory of the other Party, in accordance with the provisions of this Treaty, in order to serve the sentence imposed. For that end, such person or his/her legal representative may apply to both sentencing State and administering State for his/her transfer, in accordance with the provisions of this Treaty.

3. The request for transfer may be submitted by both sentencing State and administering State.

Article 2
Definitions

For the purposes of this Treaty, the following terms shall mean:

- "Judgment" means a final court decision imposing sentence for a committed crime. The term "judgment" shall also include final court decisions imposing death penalty, later substituted for a fixed term of deprivation of

liberty or for life imprisonment in sentencing State by an act of amnesty or pardon;

- "Sentence" means any punishment imposed by a judgment which includes deprivation of liberty for a fixed term or life imprisonment;

- "Sentenced person" means a person serving a sentence in the form of deprivation of liberty, imposed by a judgment;

- "sentencing State" means a State of which a court has sentenced a person that may be transferred or has been transferred;

- "administering State" means a State to which the sentenced person may be transferred or has been transferred in order to serve the sentence;

- "central authorities" mean the authorities duly authorized by the Parties for implementation of the Treaty;

- "competent authorities" mean the authorities duly authorized by each Party for performance of this or that act requested;

- "legal representative" means a person or an institution authorized by the legislation of the Party to act in the interests or on behalf of the sentenced person in the respective bodies of that Party.

Article 3
Conditions for Transfer

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty only on the following conditions:

a) the sentenced person is a national of administering State;

b) the judgment is final, and there are no proceedings pending in respect of this person;

c) at the time of receipt of request for transfer, the part of sentence to be served by the sentenced person is not less than one year. In exceptional cases, the Parties may agree on transfer if the remaining term of sentence is less than that specified above;

d) there is written consent by the sentenced person for his/her transfer for execution of sentence in the territory of the administering State, and in case of his/her inability to freely express his/her will due to age, physical or mental condition a written consent by his/her legal representative. The sentencing State shall provide a consular officer or any other official of the administering State with an opportunity to verify that the consent for transfer or rejection thereof

was given voluntary and with understanding of legal consequences of such transfer;

e) the crimes, for which the sentence was imposed, are punishable by deprivation of liberty according to criminal laws of the administering State;

f) sentencing State and administering State have clearly given their consent for transfer;

g) the transfer of the person does not impair sovereignty, security, public order or other essential interests of a Party.

2. The transfer shall be rejected if:

a) the sentenced person has not fulfilled any financial obligations arising from a court judgment, or if, in the opinion of sentencing State, the guarantees of fulfillment of such obligations are insufficient;

b) the sentence cannot be executed in the administering State due to expiration of limitation period or due to other reasons stipulated in the laws of such State.

Article 4

Central Authorities

1. The central authorities authorized to perform this Treaty are:

For the Socialist Republic of Viet Nam – Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Viet Nam;

for the Russian Federation – Ministry of Justice of the Russian Federation.

2. When implementing this Treaty, the central authorities shall communicate directly.

3. Each Party shall immediately notify the other Party of any changes, connected with its respective central authority, through diplomatic channels.

Article 5

Obligation to Provide Information

1. Any sentenced person, to whom this Treaty may be applied, shall be informed by the sentencing State of the contents of this Treaty, as well as of legal consequences of transfer.

2. If the sentenced person applies to the sentencing State for his transfer, that State shall so promptly inform the administering after the judgement becomes final.

3. Such notice shall include:

a) surname, name (patronymic), date and place of birth, nationality of the sentenced person;

b) permanent place of residence of the sentenced person in the administering State, if known;

c) a Statement of the facts, upon which the sentence was based;

d) the type, duration and date of commencement of the sentence;

e) the text of applicable provisions of the criminal laws.

4. If the sentenced person applies to the administering State for transfer pursuant to the provisions hereof, the sentencing State shall provide the administering State, on request, with the information specified in paragraph 3 of this Article.

5. The sentenced person shall be informed in writing of any actions taken by the administering State or by the sentencing State, under the preceding paragraphs, as well as of any decision taken by either State on request for transfer.

Article 6

Requests and Responses

1. Requests for transfer and responses to them shall be made in writing and directed to the central authorities appointed in accordance with this Treaty.

2. The requested Party shall promptly inform the requesting Party on its decision to allow or reject the request of transfer.

3. After receipt of the motion for transfer, the central authority of the sentencing State shall accompany the request addressed to the central authority of the administering State with:

a) information about the sentenced person (surname, name (patronymic), date and place of birth);

b) documents indicating the nationality of the sentenced person and his/her permanent place of residence;

c) certified copies of the judgment and all relevant court decisions on the case and a document confirming that the judgment had become final;

d) the document indicating the part of sentence served and the part of sentence to be served, as well as the document indicating behavior of the sentenced person while serving the sentence;

e) a document indicating execution of additional punishment, if any;

f) the text of provisions of the criminal law on account of which the person was sentenced;

g) a written consent of the sentenced person or his/her legal representative in case of his/her inability to freely express his/her will due to age, physical or mental conditions for his/her transfer for execution of a sentence in the territory of the administering State;

h) the document indicating financial obligations of the sentenced person under the judgment, if any;

i) information on the State of health of the sentenced person and on the possibility of his/her transportation to the territory of the administering State.

4. After receipt of the motion for transfer, the central authority of the administering State shall accompany the request addressed to the central authority of the sentencing State with the documents mentioned in paragraph 3 points "a" and "b" of this Article.

5. The central authority of the sentencing State shall accompany its response to the said request with the documents mentioned in paragraph 3 points from "c" to "i" of this Article.

6. If the request of the central authority of the sentencing State is allowed, the central authority of the administering State shall accompany its response with:

a) a written agreement for receipt of the sentenced person for execution of the remaining part of the sentence;

b) a certified copy of the decision of the court or other competent authority on acknowledgement and execution of sentence stating the order, the term and conditions of serving the sentence by the sentenced person after his/her transfer;

c) certified extracts from legislation on which the sentenced person will serve the sentence;

d) a document indicating the nationality of the sentenced person.

7. If necessary, the central authorities of the Parties may request any other additional documents or information.

8. Upon rendering the decision of consent or rejection to transfer the sentenced person by the court or other competent authority of the sentencing

State, the central authority of the sentencing State after receipt of all necessary documents shall promptly inform the central authority of the administering State of its consent or rejection to transfer the sentenced person subject to the terms and conditions of this Treaty.

9. Place, time and procedure of transfer shall promptly be determined by the competent authorities of the Parties.

Article 7

Expenses

Expenses related to transfer of the sentenced person, including the expenses on transit, shall be borne by the administering State, except agreed by both Parties. Any other expenses arising pertaining to transfer of the sentenced person till the moment of his/her transfer shall be borne by the Party that incurred them.

Article 8

Enforcement of Sentence

1. The administering State shall ensure the continuing of enforcement of sentence in accordance with its laws.

2. The sentence shall be served on account of the judgment of a court of the sentencing State. The court of the administering State, on the basis of that sentence, shall, subject to and in accordance with the laws of its State, impose the same term of imprisonment as that imposed by the judgment.

If, according to the laws of the administering State, the maximum term of imprisonment for the crime committed is less than that imposed by the judgment, the court of the administering State shall impose the maximum term of imprisonment provided for by the laws of the administering State for committing the same crime.

The part of the punishment served in the territory of the sentencing State shall be considered in the total term of the sentence.

3. Decision on enforcing additional punishment imposed by the judgment shall be taken by the court of the administering State, if such punishment for the crime committed is provided for by the laws of such State. Additional punishment shall be enforced as specified in this Article.

Article 9

Pardon, Amnesty, Parole, Substitution of Sentence and Review of Judgment

Either Party may grant pardon, amnesty, parole and substitution of sentence in accordance with its laws.

Only the sentencing State shall have the right to resolution of issues of appeal or review of the judgment.

Article 10

Non bis in idem

After his/her transfer, the sentenced person shall not be prosecuted or proceeded against in the administering State for the same acts as the ones on account of which the sentence was imposed in the sentencing State.

Article 11

Termination of Enforcement

The administering State shall terminate enforcement of the sentence as soon as it is informed by the sentencing State of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

Article 12

Change and Remission of Judgment

1. If, after the transfer of the sentenced person for serving the sentence, the judgment is changed by the court of the sentencing State, a copy of the respective judgment and other necessary documents shall be promptly submitted to the central authority of the administering State. The administering State shall resolve the issue of enforcing such decision as specified in Article 8 of this Treaty.

2. If, after the transfer of the sentenced person for serving the sentence, the judgment is remitted, thus dismissing the case in the sentencing State, a copy of the respective decision shall be promptly submitted to the central authority of the administering State.

3. If, after the transfer of the sentenced person for serving the sentence, the judgment is remitted and a new investigation or proceedings is/are to take place, a copy of the respective decision, criminal case documents and other necessary materials shall be promptly submitted to the administering State in order to resolve the issue of prosecution of the sentenced person under the laws of the administering State.

Article 13

Exchange of Information

1. The central authority of the administering State shall inform the central authority of the sentencing State of the court decision taken in order to enforce the sentence, of granting pardon, amnesty, parole or substitution of sentence and in case of his/her escape.

2. The central authority of the administering State, on request of the central authority of the sentencing State, shall provide information on the process of serving the sentence after the sentenced person's transfer.

Article 14

Transit

1. A Party shall, in accordance with its law, satisfy a request for transit of a sentenced person through its territory if such request is made by the other Party, which has agreed with a third State to the transfer of that person.

2. A Party may refuse to permit transit if:

a) the sentenced person is its national;

b) the offence for which the sentence was imposed is not considered as such under its law.

3. The request for transit shall include the information specified in points "a" and "b" of paragraph 3 of Article 6 herein and shall be accompanied by the documents specified in paragraph 1 and points "c" and "f" of paragraph 3 of Article 6 of this Treaty.

4. The Party requested to permit transit may hold the sentenced person in custody only for such time as transit through its territory requires.

5. Such permit is not required, if such transit is carried out by air and no landing in the territory of the other Party is expected. However, that Party has to be notified of any such transit over its territory.

Article 15
Languages

The request and supporting documents, notifications and information shall be drawn up in the language of the requesting Party and shall be accompanied with translation into the language of the requested Party or into the English language and shall not be the subject to legalization .

Article 16
Temporal application

This Treaty shall be applicable to enforcement of sentences imposed both before and after its entry into force.

Article 17
Settlement of Disputes

Any disputes, arising between the Parties from interpretation and implementation of this Agreement, shall be settled through consultations and negotiations.

Article 18
Amendments to the Treaty

1. This Treaty may be amended on the initiative of either Party.
2. Any approved amendments hereto shall take effect in accordance with the procedure specified in paragraph 1 of Article 19 hereof.

Article 19
Final provisions

1. This Treaty is concluded for an indefinite period of time and becomes binding upon expiry of 30 days from the date of receipt of the last written notice from the Parties through diplomatic channels of completion of all internal procedures as required for its commencement according to applicable laws thereof.

2. This Treaty terminates upon expiry of 180 days from the date of receipt of the other Party's written notice of its intention to terminate it through diplomatic channels.

3. The termination of this Treaty shall not impede completion of execution of any requests for extradition, received prior to a termination date.

In witness whereof, the undersigned, being duly authorized thereto by the Socialist Republic of Viet Nam and the Russian Federation have signed the present Treaty.

Done in Ha Noi, this twelfth day of November 2013 in duplicate, each in Vietnamese, Russian and English languages, all texts being equally authentic. In case of interpretation discrepancies, the English text shall be used.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	**FOR THE RUSSIAN FEDERATION**
Le Quy Vuong	Maxim Alexandrovich Travnikov
Vice Minister of Public Security	Vice Minister of Justice

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng